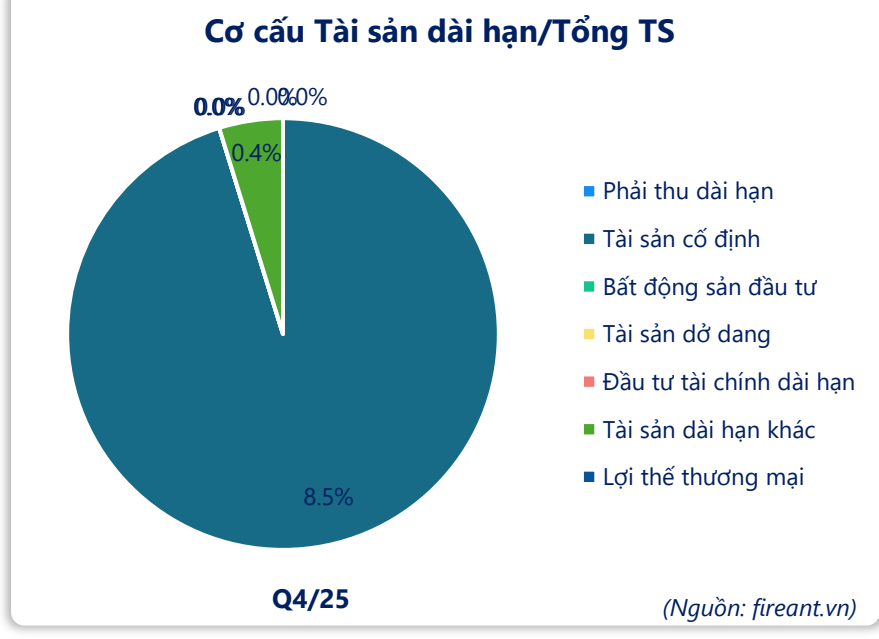
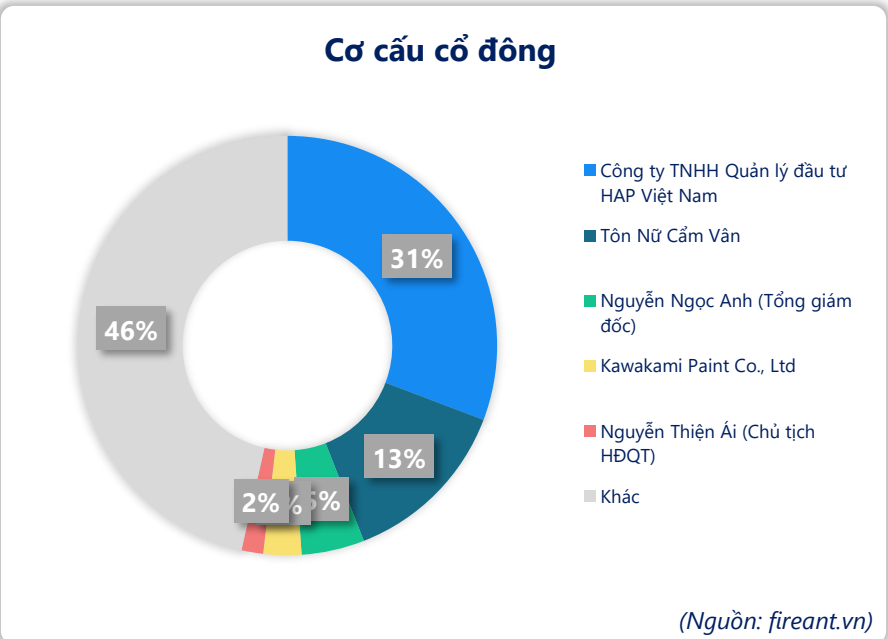
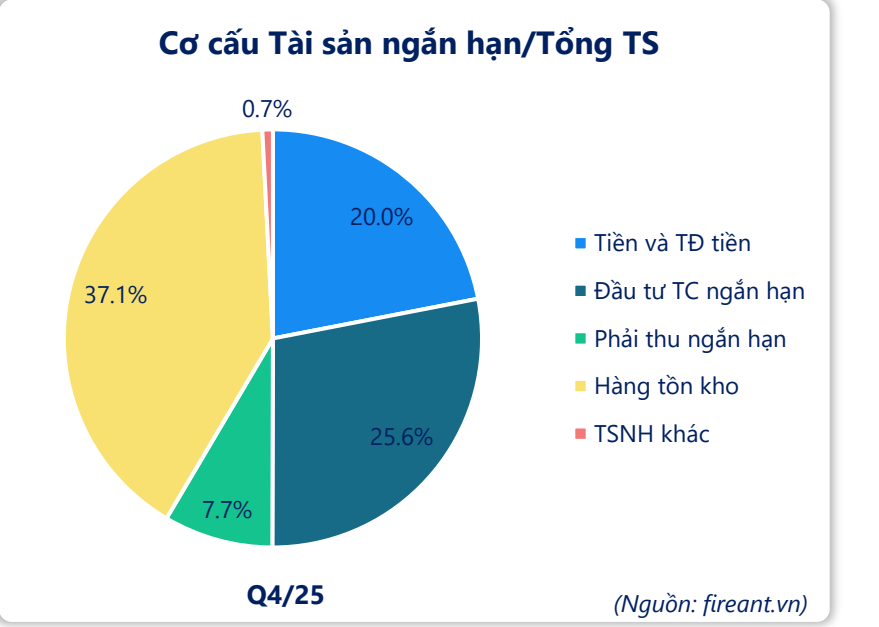
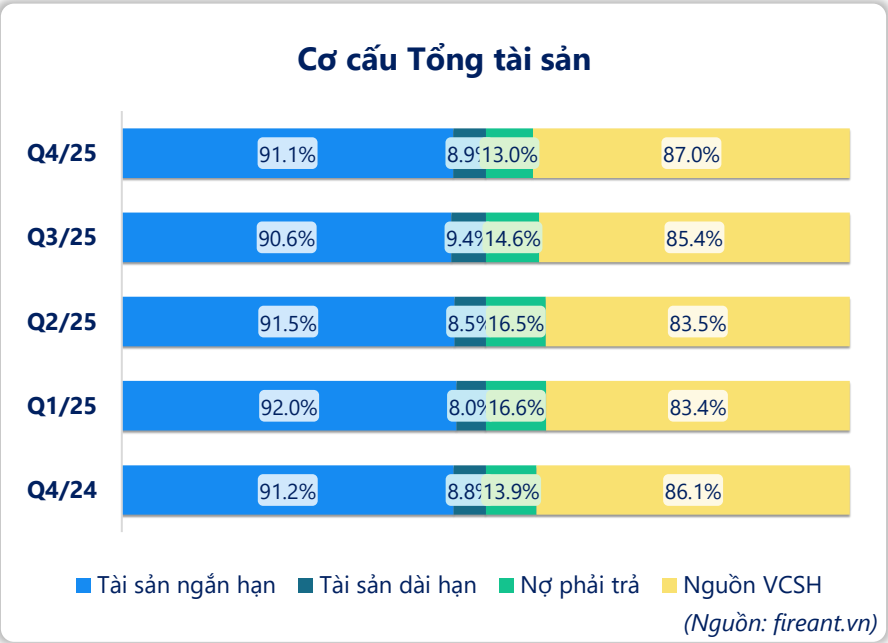
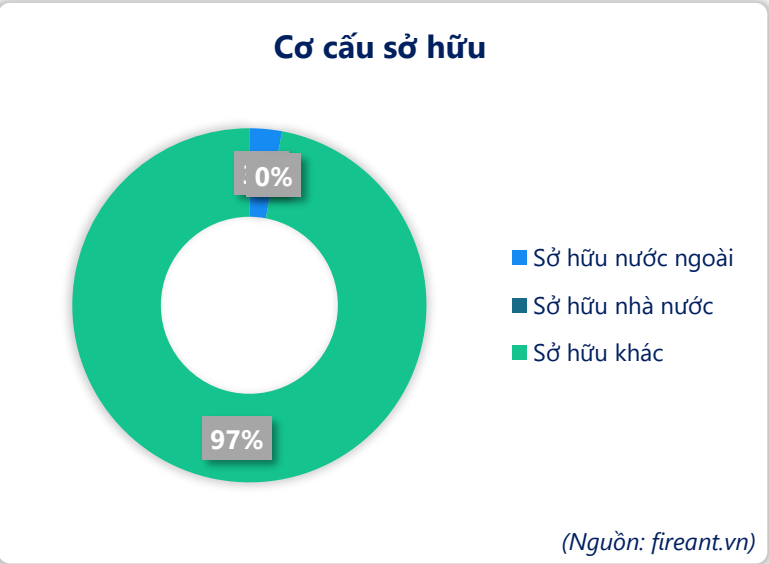
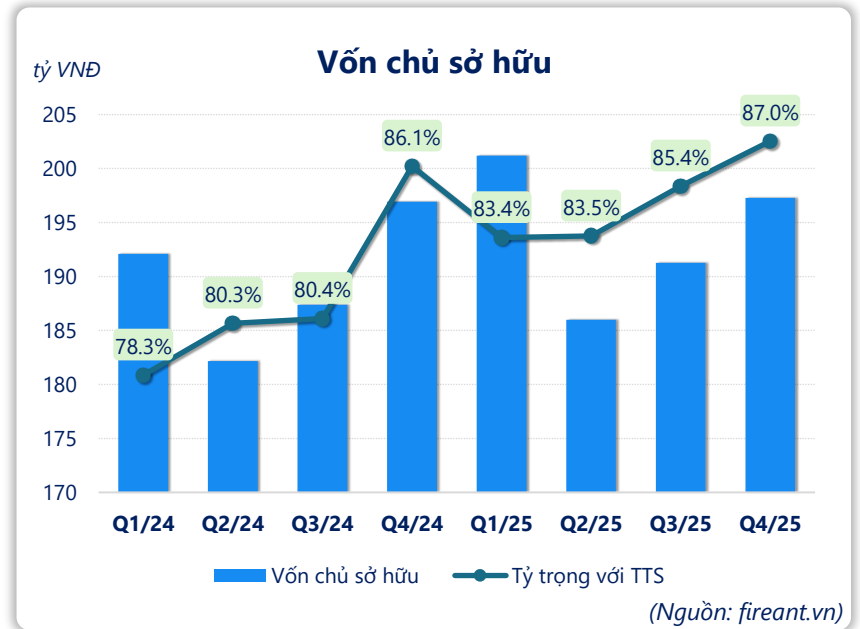
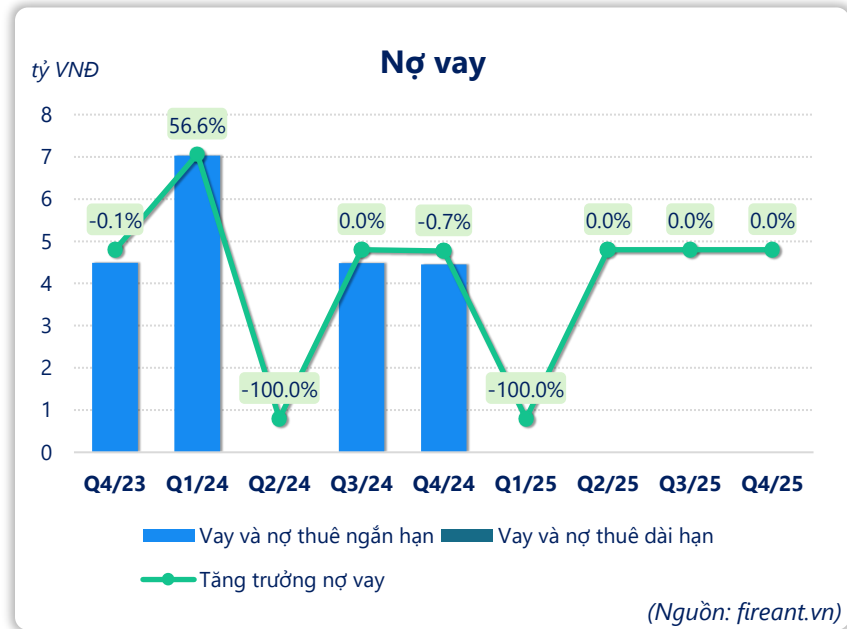
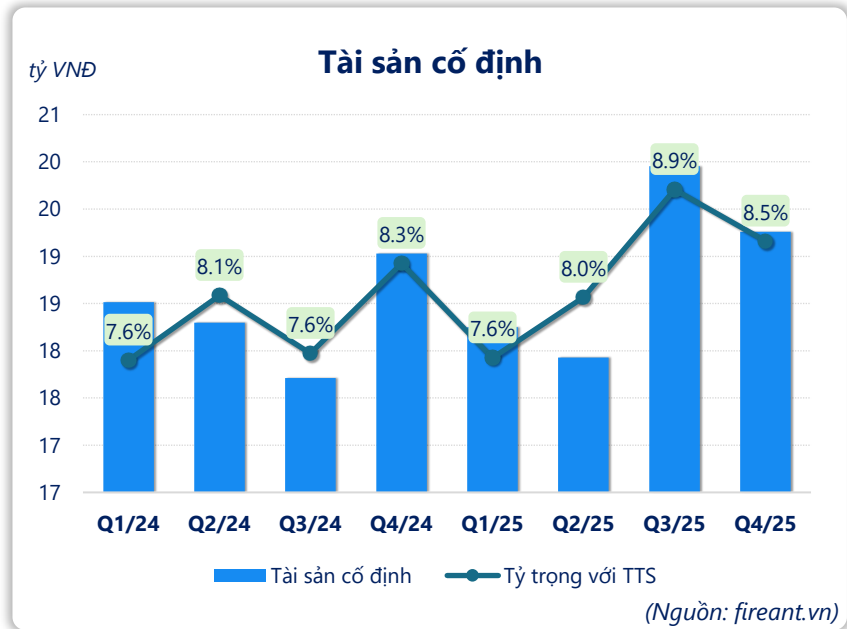
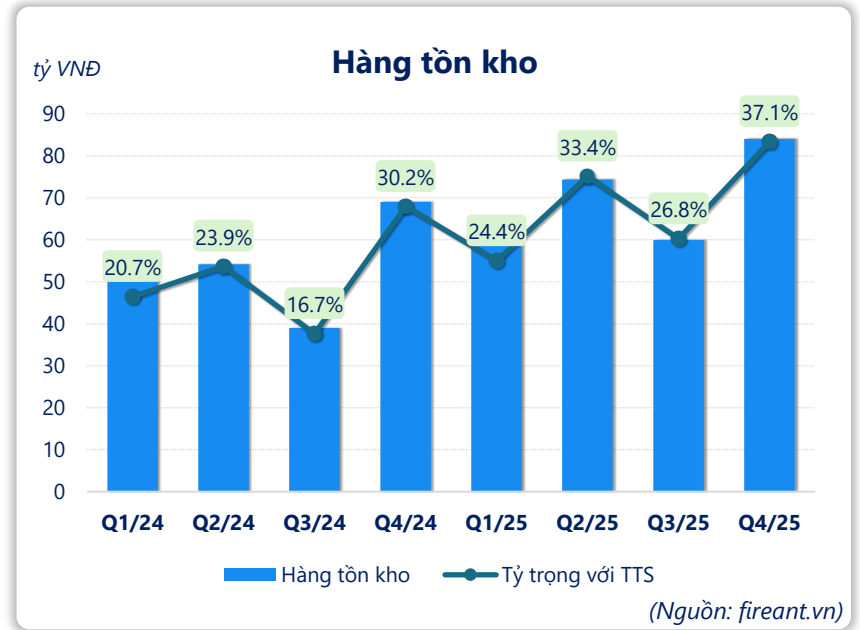
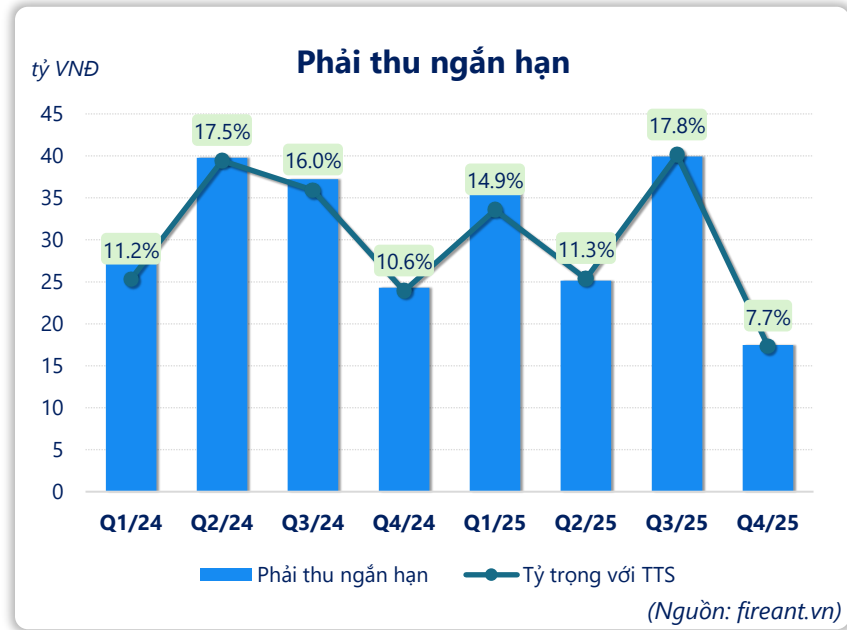
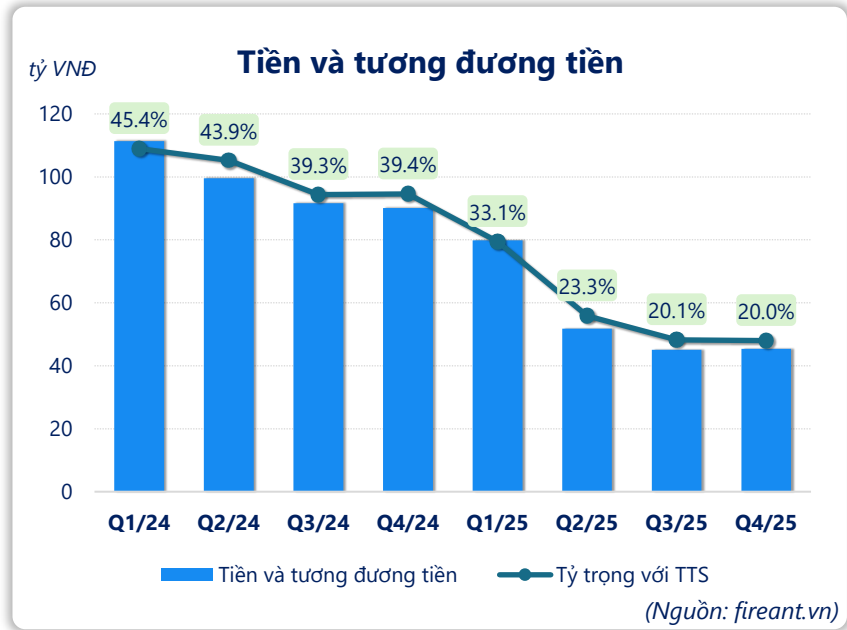
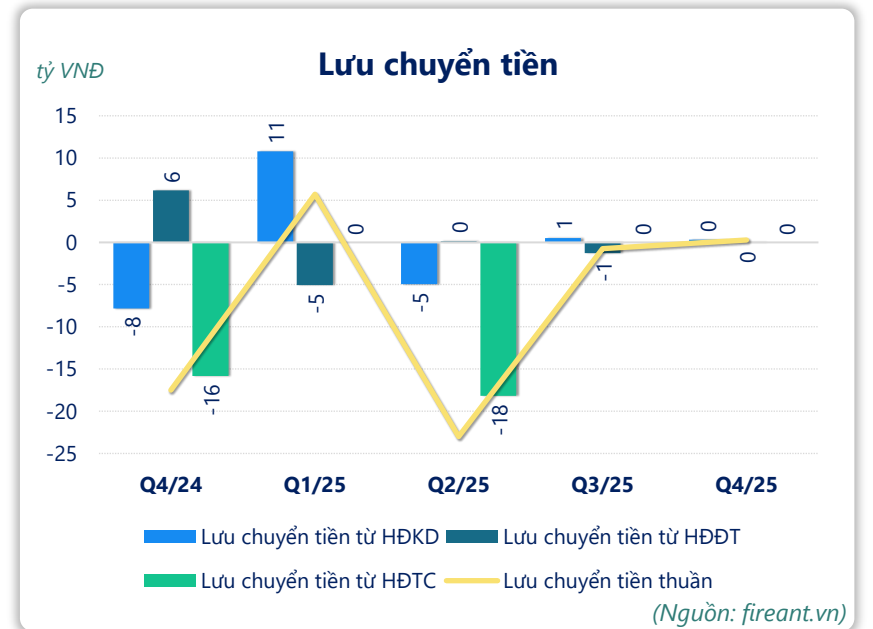
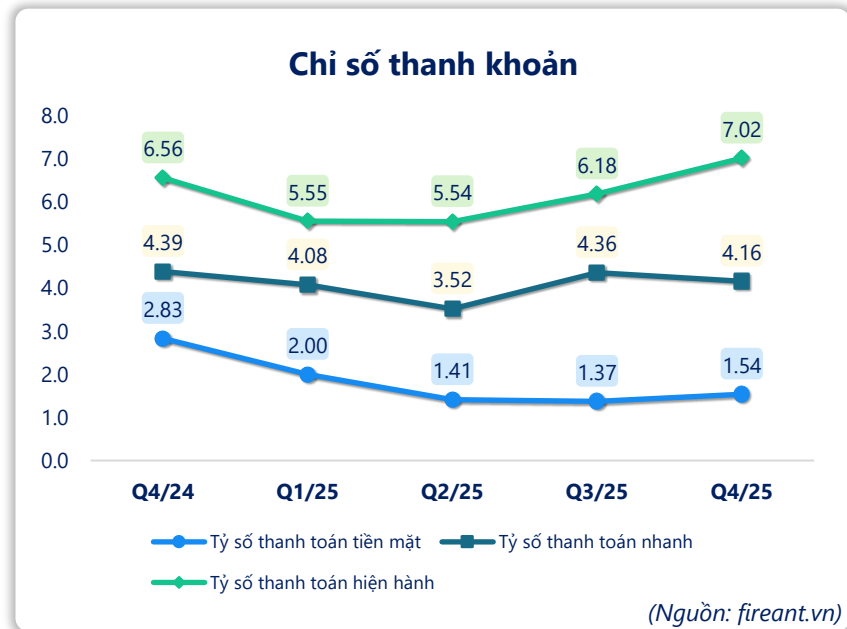
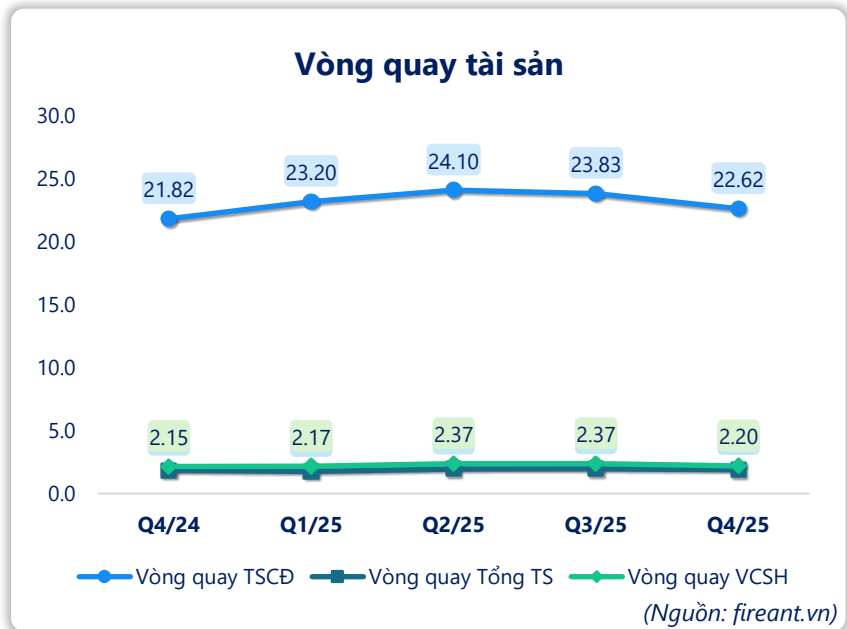
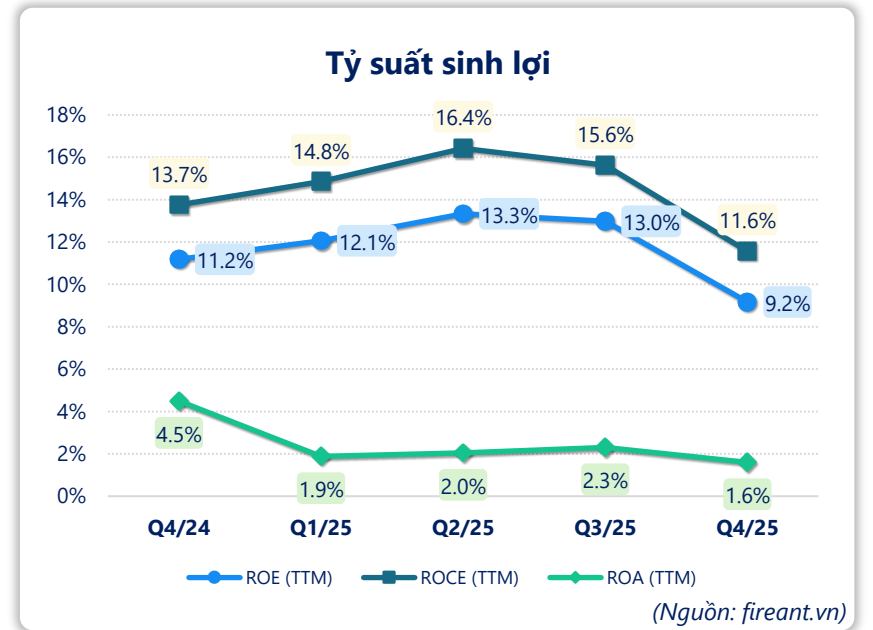
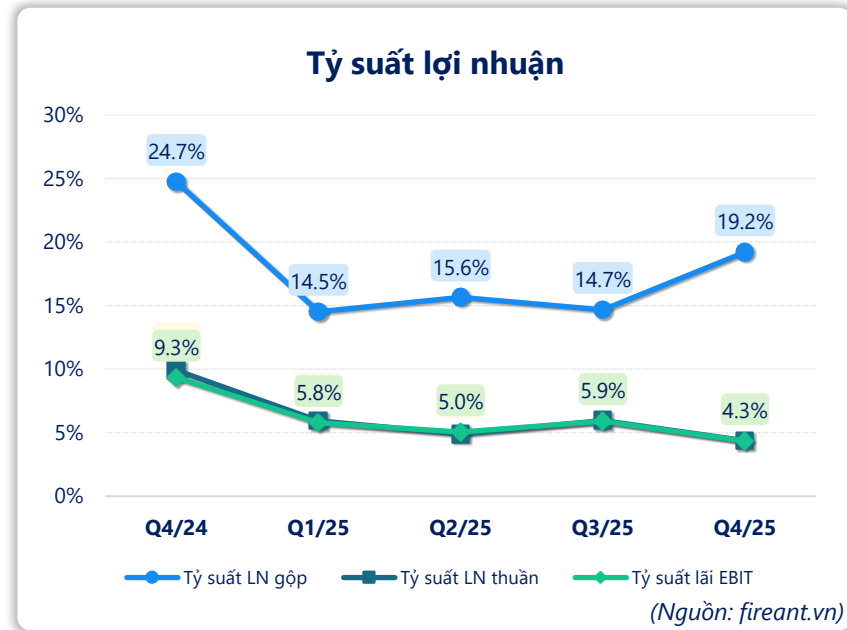
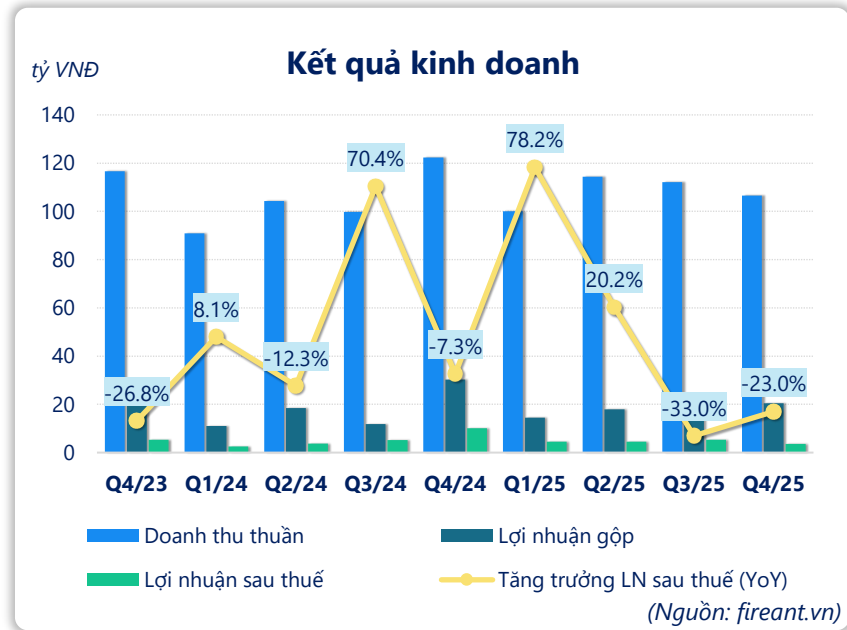


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,173
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,903
SL cổ phiếu LH		12,027,086
KLGD BQ 20 phiên (CP)		860
% sở hữu nước ngoài		3.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		172
P/E		9.5
EPS		1,502

	YTD	1T	3T	6T
HSP	31.2%	1.4%	-0.7%	-2.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	227	229	-0.9%
Tài sản ngắn hạn	206	209	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	45.3	90.1	-49.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	25.0	132%
Phải thu ngắn hạn	17.5	24.3	-28.1%
Hàng tồn kho	84.0	69.1	21.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.67	0.12	1273%
Tài sản dài hạn	20.2	20.2	-0.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	19.3	19.0	1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.97	1.21	-20.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.4	32.2	-8.6%
Nợ ngắn hạn	29.4	32.2	-8.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.69	7.84	-14.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	197	197	0.3%
Vốn chủ sở hữu	197	197	0.3%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	122	100	114	112	107
Giá vốn hàng bán	92.1	85.5	96.5	95.7	86.1
Lợi nhuận gộp	30.3	14.5	17.9	16.4	20.5
Doanh thu HĐTC	-0.14	0.92	0.42	0.71	0.74
Chi phí TC	2.43	1.01	1.16	0.76	0.82
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.23	3.29	4.51	2.41	7.12
Chi phí QLDN	10.4	5.21	7.02	7.32	8.59
LN thuần từ HĐKD	12.1	5.94	5.61	6.66	4.65
Lợi nhuận khác	-0.70	-0.17	0.17	-0.03	-0.04
LN trước thuế	11.4	5.76	5.77	6.63	4.62
Lợi nhuận sau thuế	10.1	4.58	4.59	5.26	3.64
LNST của CĐ cty mẹ	10.1	4.58	4.59	5.26	3.64

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.84	10.8	-4.95	0.52	0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.16	-5.08	0.14	-1.28	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.8	0	-18.2	0	0
Tiền đầu kỳ	80.6	63.1	68.8	45.8	45.1
Lưu chuyển tiền thuần	-17.5	5.70	-23.0	-0.76	0.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	63.1	68.8	45.8	45.1	45.3

(Nguồn: fireant.vn)